

# PHÁP ĐIỂN HOÁ PHÁP LUẬT DÂN SỰ Ở VIỆT NAM THỜI KÌ THUỘC PHÁP

TRẦN THỊ HOA \*

TRẦN HỒNG NHUNG \*\*

**Tóm tắt:** Thời kì thuộc Pháp, hoạt động xây dựng pháp luật ở Việt Nam có bước ngoặt lớn. Sau hàng ngàn năm chịu ảnh hưởng từ nền pháp lí Trung Hoa, đến thời kì này Việt Nam đã từng bước tiếp thu các yếu tố của văn hoá pháp luật phương Tây. Bài viết phân tích những nét đặc trưng trong hoạt động pháp điển hoá pháp luật dân sự thời thuộc Pháp để thấy được sự chuyển mình trong lịch sử lập pháp Việt Nam giai đoạn này và chỉ ra những giá trị và ảnh hưởng đối với sự phát triển của pháp luật dân sự Việt Nam trong các giai đoạn tiếp theo.

**Từ khoá:** Thuộc Pháp; pháp điển; xây dựng pháp luật; Dân luật

Nhận bài: 09/12/2024

Hoàn thành biên tập: 27/01/2025

Duyệt đăng: 27/01/2025

## CODIFICATION OF CIVIL LAW IN VIETNAM DURING THE FRENCH COLONIAL PERIOD

**Abstract:** During the French colonial period, law-making activities in Vietnam had a major turning point. After thousands of years of being influenced by Chinese law, during this time Vietnam has gradually absorbed elements of Western legal culture. By analysing the characteristics of the codification of civil law during the French colonial period, the article presents the transformation in the history of Vietnamese legislation and highlights its values and influences on the development of Vietnamese civil law in the following periods.

**Keywords:** French colonial period; codification; law making; Civil law

Received: 9 December 2024 ; Editing completed: 27 January 2025; Accepted for publication: 27 January 2025

### 1. Đặt vấn đề

Năm 1858, thực dân Pháp tấn công vào bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng), mở đầu quá trình xâm lược Việt Nam. Cuộc kháng Pháp thất bại khiến cho vương triều Nguyễn phải kí nhiều hiệp ước bất bình đẳng với Chính phủ Pháp. Hoà ước năm Giáp Tuất 1874 công nhận chủ quyền của Pháp trên lãnh thổ Nam Kỳ. Nam Kỳ trở thành thuộc địa (colonie) của Pháp. Hai hoà ước Harmand năm Quý Mùi 1883 và Patenôtre năm Giáp

Thân 1884 công nhận quyền bảo hộ của Pháp ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Bắc Kỳ và Trung Kỳ trở thành đất bảo hộ (protectorat) của Pháp. Với những hoà ước đó, về bản chất, triều đình nhà Nguyễn đã không còn là chính quyền đại diện cho quốc gia, dân tộc trên các phương diện đối nội, đối ngoại, đồng thời đánh dấu sự cai trị của Pháp trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Để đáp ứng yêu cầu cai trị, đảm bảo tính “hợp pháp” cho công cuộc khai thác thuộc địa, tạo cơ sở pháp lí cho các hoạt động kinh tế, tài chính, thuế khoá cũng như quản lí và “chèo lái” nền thuộc địa phục vụ cho chính quốc, Pháp đã phải sử dụng công cụ hết sức

\* Thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

E-mail: tranthihoa@hlu.edu.vn

\*\* Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

E-mail: tranhonghung@hlu.edu.vn

quan trọng là pháp luật. Trọng tâm quan trọng nhất trong xây dựng pháp luật ở Việt Nam thời kì này là hoạt động pháp điển hoá pháp luật trong đó có hoạt động pháp điển hoá pháp luật dân sự.

## **2. Khái quát hoạt động pháp điển hoá pháp luật dân sự ở Việt Nam thời kì thuộc Pháp**

Ở cả ba kì của Việt Nam thời kì này, Pháp đã cho ban hành hơn 10 bộ luật mới, trong đó có các bộ dân luật: Dân luật giản yếu Nam Kỳ năm 1883, Dân luật Bắc Kỳ năm 1931, Hoàng Việt Trung Kỳ hộ luật năm 1936.

- Nam Kỳ

Dân luật giản yếu năm 1883 được Pháp ban hành sớm nhất ở Nam Kỳ cũng như Việt Nam. Nội dung chính yếu được trích ra từ Bộ Dân luật của Pháp và đem vào áp đặt cho một xã hội mang tính chất thuộc địa, do đó Bộ luật chủ yếu mang đậm màu sắc của pháp luật phương Tây.

Đây là Bộ luật Dân sự đầu tiên ở nước ta được xây dựng theo tinh thần của nền pháp lí phương Tây, chịu ảnh hưởng trực tiếp của Bộ Dân luật Pháp ban hành năm 1804.

Trước khi Bộ Dân luật Nam Kỳ được chính thức ban hành, ngày 03/10/1883, Chính phủ Pháp đã ban hành hai sắc lệnh áp dụng tại Nam Kỳ, trong đó Sắc lệnh thứ nhất quy định về vấn đề quốc tịch và trú quán (giống như Thiên sơ bộ và Thiên I, Thiên III trong Quyển 1 Bộ Dân luật Pháp); Sắc lệnh thứ hai quy định về vấn đề hộ tịch (giống như Thiên II trong Quyển 1 Bộ Dân luật Pháp). Các vấn đề còn lại trong Bộ Dân luật Pháp (từ Thiên thứ IV đến Thiên thứ XI) được ban hành sau đó không lâu, trong Bộ Dân luật giản yếu ngày 26/03/1884 để áp dụng tại xứ Nam Kỳ. Chính vì trong Bộ Dân luật này chỉ

quy định từ Thiên thứ IV đến Thiên thứ XI nên được gọi là “Bộ Dân luật giản yếu”.

Về nội dung, Bộ Dân luật giản yếu áp dụng tại Nam Kỳ bao gồm các thiên như sau: Thiên IV nói về sự thất tung (mất tích); Thiên V nói về giá thú; Thiên VI quy định về việc li hôn; Thiên VII quy định về chế độ phụ hệ và con chính thức; Thiên VIII quy định về vấn đề con nuôi; Thiên IX quy định về vấn đề thân quyền; Thiên X quy định về vấn đề vị thành niên, giám hộ, thoát quyền; Thiên XI quy định về vấn đề thành niên.

So với Bộ Dân luật Bắc Kỳ và Bộ Dân luật Trung Kỳ thì Bộ Dân luật giản yếu áp dụng tại xứ Nam Kỳ chỉ quy định những vấn đề về nhân pháp (tức nói về người) chứ không quy định các vấn đề khác vốn được xem là một trong những nội dung cốt yếu của dân luật như vấn đề tài sản; vấn đề nghĩa vụ dân sự và khế ước. Thậm chí, ngay cả chế độ tài sản của vợ chồng hay vấn đề thừa kế vốn rất gần gũi với các quy định về “người” cũng không được quy định trong Bộ luật này.

- Bắc Kỳ

Bộ Dân luật Bắc Kỳ tên đầy đủ là “Bộ Dân luật thi hành tại các toà Nam án Bắc Kỳ”. Bộ luật này được soạn thảo trong một thời gian khá dài. Ngay từ năm 1917, Toàn quyền Đông Dương đã ra nghị định thành lập một Ủy ban Việt - Pháp soạn thảo Bộ Dân luật Bắc Kỳ. Ủy ban này đã làm việc liên tục trong 4 năm và đến năm 1921 soạn thảo xong quyển thứ nhất, gồm 91 điều mới chỉ quy định về người và tài sản. Năm 1927, Ủy ban cố vấn về luật lệ Việt Nam được thành lập, bao gồm một số người Pháp và Việt để khảo cứu các tục lệ về gia đình, thừa kế, hương hỏa, giúp cho việc bổ sung và

hoàn chỉnh Bộ luật. Năm 1931, Bộ luật chính thức được ban bố.

Bộ Dân luật Bắc Kỳ có 1455 điều, được thiết kế gồm một Thiên mở đầu và bốn quyển với nội dung cơ bản như sau: Thiên mở đầu nói về các nguyên tắc cơ bản của dân luật như nguyên tắc công bố luật, nguyên tắc bất hồi tố, nguyên tắc bình đẳng, tự do cá nhân và tôn trọng quyền tư hữu, nguyên tắc thừa nhận ưu thế của pháp luật so với các thoả thuận hay cam kết của tư nhân với nhau cũng như ưu thế của pháp luật đối với các thẩm phán trong quá trình xét xử... Quyển 1 quy định về quốc tịch, hộ tịch, hôn nhân gia đình và thừa kế, Quyển 2 quy định các vấn đề về tài sản như phân loại tài sản (động sản và bất động sản), quyền sở hữu, hình thức sở hữu, quyền của chủ sở hữu, dịch chuyển quyền sở hữu...; Quyển 3 nói về nghĩa vụ và khế ước; Quyển 4 quy định về cách thức viện dẫn các chứng cứ trong các vụ kiện dân sự.

- Trung Kỳ

Bộ luật Hoàng Việt Trung Kỳ hộ luật còn có tên Hoàng Việt hộ luật, là bộ “hộ luật”, tức luật dân sự. Quyển thứ nhất được ban hành bởi Dụ số 51 ngày 13/7/1936 (tức ngày 25/5 năm Bảo Đại thứ 1) và có hiệu lực thi hành tại Trung Kỳ từ ngày 19/11 năm Bảo Đại thứ 1. Quyển thứ hai được ban hành bởi Dụ số 95 ngày 08/01/1938. Quyển thứ ba, thứ tư và thứ năm được ban hành bởi Dụ số 59 ngày 28/9/1939 (nhiều người thường gọi Bộ luật này theo năm ban hành Quyển thứ nhất 1936). Bộ Dân luật Trung Kỳ được soạn thảo và ban hành trong bối cảnh tại Bắc Kỳ đã có Bộ Dân luật Bắc Kỳ (1931) và ở Nam Kỳ đã có Bộ Dân luật giản yếu (năm 1883). Trong hoàn cảnh như vậy, việc ban

hành Bộ luật này tại Trung Kỳ là giải pháp giúp cho các thẩm phán áp dụng pháp luật được thuận tiện hơn trong quá trình giải quyết các vụ việc dân sự mà không cần phải viện dẫn các quy định của Bộ Dân luật Bắc Kỳ hay Bộ Dân luật Nam Kỳ, vốn dĩ chỉ được ban hành để áp dụng cho hai xứ đó.

Trong quá trình soạn thảo Bộ Dân luật Trung Kỳ, các nhà làm luật đã dựa trên căn bản khuôn mẫu của Bộ Dân luật Bắc Kỳ năm 1931. Tuy nhiên, Bộ Dân luật Trung Kỳ cũng có một vài điểm khác biệt so với Bộ Dân luật Bắc Kỳ năm 1931, cụ thể là: 1) Nếu trong Bộ Dân luật Bắc Kỳ, vấn đề thừa kế được quy định ở Quyển 1 (Thiên 11 và 12) thì trong Bộ Dân luật Trung Kỳ, vấn đề thừa kế được tách ra và chuyển sang Quyển 2 của Bộ luật này; 2) Nếu Bộ Dân luật Bắc Kỳ chỉ có 1455 điều với cấu trúc gồm 4 quyển thì Bộ Dân luật Trung Kỳ có tới 1709 điều và chia thành 5 quyển. Sự gia tăng về số lượng các điều khoản của Bộ Dân luật Trung Kỳ là do vấn đề khế ước trong Bộ luật này đã được quy định rõ hơn, chi tiết hơn so với Bộ Dân luật Bắc Kỳ năm 1931 cho phù hợp với bối cảnh xã hội Việt Nam trong thời gian đó.

### **3. Đặc trưng trong hoạt động pháp điển hoá pháp luật dân sự ở Việt Nam thời kì thuộc Pháp**

So với thời kì trung đại, hoạt động pháp điển hoá pháp luật dân sự ở Việt Nam thời kì thuộc Pháp có nhiều nét đặc trưng, phản ánh ở một số khía cạnh sau:

*Thứ nhất*, hoạt động pháp điển hoá đưa tới sự ra đời của các bộ dân luật. Đến thời kì thuộc Pháp, cùng với sự du nhập văn hoá phương Tây, pháp luật phương Tây cũng được du nhập, tạo nên sự thay đổi lớn trong

lịch sử pháp luật Việt Nam. Trong thời kì trung đại, do nhiều nguyên nhân mà hoạt động xây dựng pháp luật của các triều đại chịu ảnh hưởng rất lớn từ Trung Quốc. Một đặc điểm nổi trội trong hoạt động pháp điển hoá của pháp luật thời trung đại là xây dựng các bộ luật tổng hợp. Thông thường, mỗi triều đại chỉ ban hành một, hai bộ luật chính thống của vương triều, có phạm vi điều chỉnh rất rộng, bao trùm hầu hết các lĩnh vực của đời sống chính trị-xã hội. Ví dụ, Bộ Hoàng Việt luật lệ của triều Nguyễn hay còn gọi là Luật Gia Long, về kết cấu bao gồm 398 điều ngoài phần Lời tựa, Mục lục luật, Lục tang đồ (các biểu đồ, quy chế tang phục và định nghĩa một số từ thường dùng trong Bộ luật...) chia thành các phần: Danh lệ luật, Lại luật, Hộ luật, Lễ luật, Binh luật, Hình luật, Công luật, bao trùm các quy phạm pháp luật điều chỉnh hầu hết các lĩnh vực: hình sự, dân sự, hôn nhân gia đình, tố tụng, tạp luật. Có nghĩa rằng, pháp luật dân sự chỉ là một bộ phận trong bộ luật tổng hợp của các vương triều mà chưa có sự phân tách thành bộ luật chuyên ngành. Thậm chí, nhiều nội dung thuộc lĩnh vực dân sự được quy định rải rác ở nhiều phần trong bộ luật. Bên cạnh đó, do chịu ảnh hưởng của pháp luật Trung Hoa mà pháp luật của các triều đại Việt Nam cũng như triều Nguyễn trước thời thuộc Pháp đều có xu hướng hình sự hoá các quan hệ được pháp luật điều chỉnh, thậm chí nhiều nhà nghiên cứu gọi đó là Hình luật. Đúng như nhận xét của các tác giả Nguyễn Văn Điền và Nguyễn Hữu Tiến: “Bộ luật Gia Long là một bộ luật rất tinh tường, phân chia tội phạm có phân biệt, định hình phạt có sai cấp, khi trước đủ thi hành cho quốc

*dân chỉ chuyên về canh nông nhưng bây giờ cứ nguyên như cũ mà thi hành thì không hợp: Một là Bộ luật Gia Long chỗ nào cũng thi hành hình phạt, tức là Hình luật, Quốc triều định ra như thế không phải có ý ghét gì dân đâu, song chỉ lấy lẽ “xuất hình nhập giáo”, cốt để dân giữ dân lánh khỏi điều tội ác, làm điều lương thiện mà thôi. Hai là Bộ luật ấy có nhiều chỗ khuyết điểm về đường dân sự, trong luật phần nhiều chỉ định việc giao tế của dân đối với chính phủ, ít chỗ định về sự giao tế của dân đối với dân”<sup>1</sup>.*

Đến thời thuộc Pháp, mặc dù Pháp thực hiện quy chế chính trị khác nhau ở ba kỳ, Bắc Kỳ và Trung Kỳ là đất bảo hộ, về danh nghĩa thẩm quyền ban hành pháp luật vẫn thuộc về vua Nguyễn nhưng trên thực tế, các hoạt động xây dựng và ban hành pháp luật ở hai xứ này đều do người Pháp chỉ đạo. Từ đó khiến cho hoạt động pháp điển hoá pháp luật ở cả Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ đều chịu sự chi phối của người Pháp và ảnh hưởng từ pháp luật của Pháp.

Trước Cách mạng tư sản năm 1789, pháp luật của Pháp rất đa dạng, phức tạp. Cùng một thời điểm, tồn tại nhiều nguồn luật trong mối quan hệ rất phức tạp, luật bản địa, luật du nhập từ nước ngoài, tập quán địa phương, tập quán quốc tế, các sắc lệnh do nhà vua ban hành... Sau năm 1789, những tư tưởng của trường phái luật tự nhiên ngày càng được đánh giá cao. Trường phái này đã có công lớn trong việc nâng kỹ thuật lập pháp lên trình độ pháp điển hoá<sup>2</sup>. Pháp điển hoá

<sup>1</sup> Nguyễn Văn Điền, Nguyễn Hữu Tiến (1923), *Lược khảo về bộ luật mới ở Bắc Kỳ*, Nhà in Kim Đức Giang, Hà Nội, tr. 3.

<sup>2</sup> Đỗ Đức Minh (2014), “Tìm hiểu học thuyết pháp

pháp luật ở Pháp đã trở thành mẫu mực của pháp luật châu Âu lục địa. Đặc biệt dưới thời trị vì của Napoleon, hoạt động pháp điển hoá pháp luật của Pháp đã đạt được thành tựu rực rỡ. Nhiều bộ pháp điển được ban hành: Bộ luật Dân sự năm 1804, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 1806, Bộ luật Thương mại năm 1807, Bộ luật Hình sự năm 1810, Bộ luật Điều tra hình sự năm 1812. Trong đó, Bộ luật Dân sự năm 1804 được đánh giá là đỉnh cao của hoạt động pháp điển hoá trong lịch sử pháp luật của Pháp và trở thành mẫu mực, có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động pháp điển hoá pháp luật dân sự châu Âu và thế giới. Bộ luật cũng được đưa vào áp dụng trong các quốc gia chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của pháp luật Pháp, nhất là các nước thuộc địa của Pháp thế kỉ XIX - XX. Đến nay, sự ảnh hưởng của Bộ Dân luật Pháp năm 1804 vẫn rất rõ nét trong pháp luật của nhiều nước trên thế giới.

Ở Việt Nam, khi chính quyền Pháp đẩy mạnh hoạt động xây dựng pháp luật ở ba kì, hoạt động pháp điển hoá pháp luật được chú trọng. Ở ba kì, Pháp đã trực tiếp ban hành hoặc chỉ đạo ban hành rất nhiều bộ luật: Hình luật canh cải Nam Kỳ năm 1912, Bộ luật Bắc Kỳ Pháp viện biên chế năm 1917 (sửa đổi, bổ sung các năm 1921, 1923, 1926), Bộ luật Hình sự Bắc Kỳ năm 1917 (sửa đổi bổ sung năm 1921), Bộ luật Dân sự, thương sự tố tụng Bắc Kỳ năm 1917 (sửa đổi, bổ sung năm 1921), Bộ luật Hình sự tố tụng Bắc Kỳ 1917 (sửa đổi, bổ sung năm 1921); Luật hình Hoàng Việt năm 1933, Bộ luật Hộ

sự, thương sự tố tụng Trung Kỳ năm 1935; Bộ luật Hình sự tố tụng Trung Kỳ năm 1935... Trong hoạt động pháp điển hoá pháp luật ở Việt Nam thời kì này Pháp cũng đã tiến hành pháp điển hoá theo từng ngành ở lĩnh vực luật công và luật tư đưa tới sự ra đời của các bộ luật chuyên ngành.

Pháp là nước điển hình của hệ thống Dân luật (Civil law) nên rất chú trọng hoạt động pháp điển hoá luật dân sự. Bộ Dân luật đầu tiên đã được ban hành ở Nam Kỳ năm 1883 là Bộ Dân luật giản yếu. Mặc dù Bộ luật này về cơ bản là sự sao chép không đầy đủ từ Bộ Dân luật Pháp năm 1804 nhưng có ý nghĩa quan trọng. Lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp Việt Nam, một bộ luật chuyên biệt cho ngành luật dân sự đã được ban hành. Tiếp đó, Pháp liên tiếp chỉ đạo hoạt động soạn thảo bộ luật dân sự cho khu vực Bắc và Trung Kỳ. Do đặc thù quy chế chính trị bảo hộ, nửa bảo hộ của khu vực Bắc và Trung Kỳ, triều Nguyễn vẫn là chính quyền cai trị, cho nên việc xây dựng bộ luật dân sự ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ trải qua thời gian khá dài. Bộ Dân luật Bắc Kỳ bắt đầu được triển khai soạn thảo năm 1917 cho đến năm 1931 chính thức ban hành. Bộ Trung Kỳ hộ luật, trên cơ sở Bộ Dân luật Bắc Kỳ có sự sửa đổi nhất định và ban hành năm 1936.

Như vậy, khác với thời kì quân chủ, hoạt động pháp điển hoá pháp luật nói chung cũng như pháp luật dân sự nói riêng thời kì thuộc Pháp ở Việt Nam đã đưa tới thành quả là những bộ luật chuyên biệt cho từng ngành luật. *“Ở các nước văn minh, không những pháp luật học là một khoa phải chuyên môn, mà trong khoa pháp luật lại chia ra các khoa chuyên môn riêng về dân luật, thương*

---

luật tự nhiên”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 6, <https://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=207860>, truy cập 26/01/2025.

luật, hình luật...”<sup>3</sup>. Đây thực sự là thay đổi rất lớn trong tư duy và kỹ thuật xây dựng pháp luật ở Việt Nam.

Thứ hai, trong quá trình pháp điển hoá nội dung, các bộ luật dân sự thời kì này đã có sự kế thừa các bộ luật thời kì quân chủ, đồng thời bổ sung nhiều nội dung của pháp luật dân sự phương Tây. Điều này khiến cho tinh thần của các bộ luật dân sự thời kì này phù hợp với truyền thống của dân tộc và yêu cầu của thời đại.

Trước khi thiết lập cai trị trên toàn cõi Việt Nam, người Pháp đã có quá trình tìm hiểu lâu dài mọi mặt văn hoá của người Việt và rất thấu hiểu văn hoá Việt nên trong quá trình cai trị, Pháp đã thực hiện chính sách “hai mặt” để đảm bảo cho sự vận hành hiệu quả của bộ máy thuộc địa. Khi soạn thảo các bộ luật để áp dụng ở Việt Nam, Pháp đã có chủ trương vừa du nhập các yếu tố Pháp cho là cần thiết của pháp luật phương Tây, vừa bảo lưu những yếu tố mang tính “hồn cốt” của văn hoá Việt. Thay vì áp đặt hoàn toàn pháp luật của Pháp quốc xa lạ, các nhà cầm quyền cũng như các nhà lập pháp đã tìm cách làm cho pháp luật thích ứng với những đặc tính riêng có của vùng đất bản xứ. “*Phải tôn trọng tính toàn vẹn của tổ chức xã hội, không được chạm vào cả niềm tin cũng như luật pháp, kể cả bộ máy hành chính, hay phong tục bản xứ*”<sup>4</sup>; “*muốn cai trị tốt một dân tộc, trước tiên phải học hỏi và tìm hiểu, phải biết rõ, phải thấu đáo tâm hồn, thần minh của họ*”<sup>5</sup>. Ngay trong Phụ lục đính kèm

Dự thảo Bộ Dân luật Bắc Kỳ năm 1917 đã nêu rõ: “*Những cách tân cơ bản của Bộ luật liên quan đến vấn đề nhân thân. Điều quan trọng là cần tìm ra sự dung hợp giữa luật An Nam và những nguyên tắc căn bản của một xã hội có tổ chức*”<sup>6</sup>. Đặc biệt được thể hiện rõ nhất trong tư tưởng chỉ đạo xây dựng pháp luật như tuyên bố của Thống sứ Bắc Kỳ - chủ tịch Ủy ban Tư vấn về pháp luật: “*Trong việc biên tập luật lệ này, đại khái chú ý không xâm phạm đến những chế độ cốt yếu của xã hội Việt Nam, mà lại chăm chú cho thích hợp với phong tục cùng trình độ hiện thời của người dân An Nam...*”<sup>7</sup>. Tuy nhiên, “*đối với những lĩnh vực mà tập tục và truyền thống còn thiếu vắng hoặc không rõ ràng, thì đương nhiên cần vận dụng các quy định của Bộ luật Dân sự Pháp mà các toà án thường áp dụng, không chỉ với tư cách các quy định hợp pháp mà còn là nguồn hợp lý thành văn (raison écrite) - cho phép tìm ra giải pháp thực sự cho các tranh chấp*”<sup>8</sup>.

Chính những tư tưởng chỉ đạo ấy đã quyết định nội dung pháp luật dân sự thời kì này. Nội dung Bộ luật có sự chất lọc tinh hoa trong nội dung pháp luật dân sự truyền thống nhất là trong lĩnh vực luật về gia đình nhưng đồng thời bổ sung nhiều yếu tố của pháp luật tư sản phương Tây. Bộ Dân luật Bắc Kỳ năm 1931 được đánh giá là thành tựu quan trọng

<sup>3</sup> Nguyễn Văn Điển, Nguyễn Hữu Tiến (1923), sđd, tr. 51.

<sup>4</sup> Paul Giran (2019), *Tâm lý dân tộc An Nam*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, tr. 194.

<sup>5</sup> Paul Giran (2019), sđd, tr. 28.

<sup>6</sup> Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Luật (2017), *Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 356.

<sup>7</sup> Tờ trình của Hội đồng biên tập bản dự thảo Dân luật cho các toà Nam án Bắc Kỳ, Imprimerie Ngo Tu Ha, (1931), *Dân luật thi hành tại các toà Nam án Bắc Kỳ*, Hà Nội, tr. 11.

<sup>8</sup> Tờ trình của Hội đồng biên tập bản dự thảo Dân luật cho các toà Nam án Bắc Kỳ, tldd, tr. 8.

nhất, thể hiện tư duy pháp điển khoa học và trình độ pháp điển “hoàn hảo” nhất ở Việt Nam thời kì này<sup>9</sup>. Bộ luật này đã được soạn thảo với một thái độ cẩn trọng, tỉ mỉ và khoa học của các nhà lập pháp.

- Bộ Dân luật Bắc Kỳ bảo lưu nhiều yếu tố của pháp luật truyền thống phong kiến Việt Nam, cụ thể:

+ Chế định sở hữu: Bộ luật bảo lưu một hình thức sở hữu đặc thù vốn có hàng ngàn năm ở Việt Nam, đó là sở hữu làng xã. Sở hữu làng xã gắn liền với một hàng số trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của người Việt là tính tự trị, tự quản của các làng vốn vẫn cơ bản được bảo lưu dưới thời thuộc Pháp. Bên cạnh đó, Bộ luật vẫn thừa nhận một số loại đất đai, tài sản truyền thống trong pháp luật phong kiến. Các loại tài sản hương hoả, ruộng kị điền, học điền, hậu điền... vẫn được duy trì với nhiều nội dung kế thừa từ pháp luật phong kiến, đặc biệt là pháp luật triều Hậu Lê. Ví dụ: Điều 394 quy định: “*Hương hoả là một phần động sản hay bất động sản dùng để thờ cúng một người*”; Điều 443: “*Hậu điền là một phần bất động sản do một người lập ra để cúng vào chùa...*”<sup>10</sup> đều là những loại tài sản vốn tồn tại trong thực tiễn đời sống truyền thống của người Việt và đã được pháp luật quân chủ phong kiến thừa nhận.

+ Chế định hôn nhân - gia đình: Với tư tưởng chỉ đạo khi xây dựng Bộ Dân luật “các điều khoản về giá thú là theo tục lệ cả”<sup>11</sup>, đây là chế định bảo lưu khá nhiều các

yếu tố văn hoá và pháp luật truyền thống phong kiến. *Thứ nhất*, Bộ luật vẫn thừa nhận và bảo vệ chế độ hôn nhân đa thê, cho phép người chồng lấy nhiều vợ. *Thứ hai*, Bộ luật vẫn tiếp tục duy trì chế độ hôn nhân gia đình gia trưởng phong kiến khi quy định điều kiện kết hôn phải có sự đồng ý của cha mẹ (Điều 77); cấm người thân thích đồng tộc lấy nhau (Điều 75); cấm kết hôn khi có tang ông bà, cha mẹ; cấm kết hôn khi mất trật tự thế thiếp (Điều 78)...; Trong gia đình vẫn duy trì chế độ đại gia đình phong kiến và quyền gia trưởng của ông bà, cha mẹ với con cháu, của các bậc tôn trưởng nói chung với hàng ti ấu...

+ Chế định thừa kế: đây là chế định liên quan nhiều đến tập quán truyền thống văn hoá của người Việt, do vậy các nhà làm luật bảo lưu khá nhiều nội dung từ pháp luật phong kiến đặc biệt là pháp luật triều Hậu Lê. Với tinh thần “của hương hoả, kị điền, hậu điền đều đứng về phương diện An-nam mà quy định quyền lợi”<sup>12</sup>, Bộ Dân luật Bắc Kỳ đã tiếp nhận và bảo lưu nhiều tinh thần của pháp luật phong kiến khi điều chỉnh vấn đề thừa kế. Bộ luật vẫn bảo lưu truyền thống thừa kế tài sản hương hoả của người Việt. Trong đó, quy định về tỉ phần của tài sản hương hoả (Điều 398), trật tự thừa kế tài sản hương hoả vẫn tôn trọng nguyên tắc “trọng nam, trọng trưởng, trọng đích” (các điều 405, 406, 407, 408), tài sản hương hoả vẫn cơ bản nghiêm cấm chuyển dịch và được truyền qua 5 đời...

- Bộ Dân luật Bắc Kỳ tiếp nhận nhiều nội dung từ pháp luật phương Tây.

Dân luật Bắc Kỳ tiếp nhận nhiều nguyên

<sup>9</sup> Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Luật (2017), tldđ, tr. 357.

<sup>10</sup> Imprimerie Ngo Tu Ha (1931), *Dân luật thi hành tại các toà Nam án Bắc Kỳ*, Hà Nội, tr. 167, 187.

<sup>11</sup> Tờ trình của Hội đồng biên tập bản dự thảo Dân

luật cho các toà Nam án Bắc Kỳ, tldđ, tr. 11.

<sup>12</sup> Tờ trình của Hội đồng biên tập bản dự thảo Dân luật cho các toà Nam án Bắc Kỳ, tldđ, tr. 11.

tắc của Luật Dân sự Pháp. Trong pháp luật truyền thống Á Đông của Việt Nam, các nguyên tắc pháp luật không được quy định chính thức và hệ thống mà thường được quy định tản mạn trong Bộ luật. Những nguyên tắc này pháp luật Việt Nam tiếp nhận từ pháp luật phong kiến Trung Quốc: nguyên tắc bất bình đẳng về đẳng cấp, nguyên tắc pháp căn, nguyên tắc chiếu cố, nguyên tắc truy cứu trách nhiệm liên đới... Đến thời thuộc Pháp, các bộ dân luật ở Việt Nam đã có sự thay đổi lớn trong cách quy định và nội dung nguyên tắc. Bộ Dân luật Bắc Kỳ cơ bản tiếp nhận nhiều nguyên tắc trong pháp luật của Pháp. Trong Thiên mở đầu của Bộ Dân luật Bắc Kỳ đã đề cập các nguyên tắc pháp luật quan trọng: Nguyên tắc công bố luật (Điều 1), Nguyên tắc bất hồi tố (Điều 3), Nguyên tắc xét xử khi không có điều luật (Điều 4), Nguyên tắc không được phép từ chối thụ lí (Điều 5), Nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật (Điều 8), Nguyên tắc thẳng thắn và ngay tình (Điều 7), Nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ quyền tư hữu (Điều 9)... Những nguyên tắc này không chỉ được quy định trong pháp luật của nước Pháp mà nó là thành tựu của văn hoá pháp lí phương Tây trong quá trình phát triển. Việc tiếp nhận những nguyên tắc này khiến cho pháp luật Việt Nam có sự thay đổi lớn.

+ Chế định sở hữu: Là một trong những chế định cơ bản nhất của luật dân sự. Trong Bộ Dân luật Bắc Kỳ, khi quy định về vấn đề sở hữu, đã tiếp nhận nhiều nội dung từ luật dân sự Pháp. Trước hết, giống như Dân luật Pháp, Bộ Dân luật Bắc Kỳ cũng quy định các hình thức sở hữu: pháp nhân và tư nhân. Điều 458 quy định: “*Sự chiếm hữu về bất động sản*

*và sự thi hành về vật quyền bất động sản thì hoặc về phương diện riêng có thể do một người hay nhiều người có một phần chung trong tài sản hay là quyền lợi ấy, hoặc về phương diện chung có thể do các hạng người hay là cả đồng dân lập thành pháp nhân tư cách. Tài sản thuộc về hạng thứ nhất nói trên này là của riêng tư nhân, thuộc về hạng thứ nhì là của công và của tư các đoàn thể*”<sup>13</sup>.

Đối với tài sản với tư cách là đối tượng của quyền sở hữu, do chịu ảnh hưởng bởi khoa học pháp lí phương Tây mà Bộ Dân luật Bắc Kỳ đã có sự phân chia tài sản thành hai nhóm bất động sản và động sản. Ngoài ra, do Bộ luật cũng quy định rõ ràng những quyền năng cơ bản của chủ sở hữu, quyền chiếm hữu, hưởng dụng, thu lợi, định đoạt tài sản...

+ Chế định hợp đồng: Trong Bộ luật này, các quy định về khế ước học tập chủ yếu từ các điều khoản tương tự của Bộ Dân luật Pháp năm 1804. Trong pháp luật phong kiến Trung Quốc, Việt Nam, vấn đề khế ước chưa được quy định thành một chế định riêng, số điều khoản cũng khá ít ỏi, thường chỉ là những quy định cụ thể liên quan đến việc mua bán, thuê mướn, vay nợ... mà không quy định một cách có hệ thống về vấn đề này. Tiếp nhận pháp luật dân sự phương Tây, đặc biệt là của Pháp, Bộ Dân luật Bắc Kỳ trong quyền thứ ba đã quy định một cách có hệ thống những vấn đề liên quan đến khế ước: Khái niệm hợp đồng (Điều 644 Bộ Dân luật Bắc Kỳ); chủ thể của hợp đồng (Điều 666), những người vô tư cách (Điều 667)... Trong Bộ luật cũng quy định rất cụ thể các vấn đề khác liên quan đến nghĩa vụ và hợp đồng: điều kiện có

<sup>13</sup> Imprimerie Ngo Tu Ha (1931), tldd, tr. 193.

hiệu lực của hợp đồng, các loại hợp đồng, hình thức hợp đồng, hợp đồng vô hiệu, nghĩa vụ hợp đồng... Với sự tiếp nhận pháp luật phương Tây đã tạo nên sự canh tân lớn trong vấn đề khế ước, hợp đồng của pháp luật Việt Nam truyền thống.

+ Chế định hôn nhân - gia đình: Bộ Dân luật Bắc Kỳ đã bổ sung nhiều quy định liên quan đến thủ tục pháp lí trong hôn nhân. Trong pháp luật phong kiến Việt Nam, quan hệ hôn nhân chủ yếu được điều chỉnh bằng phong tục và lễ nghi Nho giáo không có quy định việc khai báo kết hôn để vào sổ hộ tịch như ở phương Tây. Học tập pháp luật Pháp, trong Bộ Dân luật Bắc Kỳ đã bổ sung nhiều quy định liên quan đến thủ tục pháp lí trong hôn nhân. Ở thời điểm xác lập hôn nhân, quy định rõ nếu muốn cuộc hôn nhân có hiệu lực theo pháp luật thì phải thực hiện thủ tục đăng kí với cơ quan có thẩm quyền. Điều 91 quy định: “*Phàm việc giá thú đã khai với hộ lại và đã đăng kí vào sổ, tức là đã lập thành đoàn thể vợ chồng*”<sup>14</sup>. Việc li hôn quy định phân minh và rạch ròi, phải thông qua toà án. Các điều 116, 117, 124<sup>15</sup> Bộ Dân luật Bắc Kỳ quy định vợ chồng hoặc một trong hai người có thể xin toà án cho li hôn và chỉ có toà mới có quyền xét cho li hôn, khi có một trong những duyên cớ li hôn mà pháp luật đã

quy định. Ngoài ra, nhiều nội dung trong chế định này cũng tiếp nhận ảnh hưởng từ các quy định của pháp luật phương Tây: điều kiện kết hôn phải có sự bằng lòng của hai bên nam nữ, làm tư ước về tài sản hôn nhân, đơn phương hoặc thuận tình li hôn. Đặc biệt có nhiều nội dung mới liên quan đến giám hộ, vị thành niên, xác định cha mẹ cho con... đã được đưa vào trong bộ luật.

*Thứ ba*, kĩ thuật pháp điển của các Bộ Dân luật đạt trình độ cao.

Điều này được thể hiện ở những khía cạnh sau:

Các Bộ Dân luật thời kì này được xây dựng với một cấu trúc chặt chẽ, logic của các chế định pháp luật. Chịu ảnh hưởng rõ nét từ cấu trúc Bộ Dân luật Pháp năm 1804, cấu trúc của các bộ luật dân sự thời kì này được chia thành thiên mở đầu và các quyển. Trong các quyển cũng chia thành các thiên, trong các thiên chia thành các chương, các chương chia thành các phần, các phần chia thành các điều, điều chỉnh các chế định trong ngành luật dân sự một cách rất logic. Lấy Bộ Dân luật Bắc Kỳ làm ví dụ so sánh. Bộ luật Dân sự Pháp năm 1804 được cấu trúc theo phương pháp Institutiones (Institutional system), kết cấu Bộ luật Dân sự thành các phần, chương theo chức năng của luật: chủ thể = người (luật về người - personae), khách thể = vật (luật về vật - res), hành vi = chuyển dịch tài sản (actiones)<sup>16</sup>. Bộ luật Dân sự Pháp bao gồm

<sup>14</sup> Imprimerie Ngo Tu Ha (1931), tldd, tr. 65.

<sup>15</sup> Điều 116: “Việc li hôn chỉ toà án mới có quyền được chiếu duyên cớ luật đã định mà xử. Cấm chống không được tự rẫy vợ”; Điều 117: “Hai vợ chồng, bên nọ có thể xin li hôn với bên kia. Hoặc cả 2 vợ chồng cùng đứng khởi tố việc li hôn, hoặc chỉ một bên đứng khởi tố cũng được”; Điều 124: “Phàm kiện xin li hôn phải viết thành đơn mà chính nguyên đơn phải để tận tay quan chánh án đệ nhị cấp”, Imprimerie Ngo Tu Ha (1931), tldd, tr. 77, 79.

<sup>16</sup> Nguyễn Hồng Hải (2011), “Một số vấn đề về cấu trúc của Bộ luật Dân sự và việc cấu trúc lại Bộ luật Dân sự năm 2005”, *Tọa đàm về sửa đổi Bộ luật Dân sự*, Nhà pháp luật Việt - Pháp và Vụ Pháp luật Dân sự - Kinh tế, Bộ Tư pháp phối hợp tổ chức, ngày 12 - 13/5/2011, Hà Nội.

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

2283 điều, chia thành Thiên mở đầu (Titre Preliminaire) và 3 quyển (Livre). Các quyển chia làm các thiên (Titre), các thiên chia thành các chương (Chapitre); các chương chia làm các phần (Section); các phần chia thành các điều (Article)<sup>17</sup>. Đây là bộ luật mẫu mực về cấu trúc chặt chẽ, logic của các chế định pháp luật<sup>18</sup>, “*cấu trúc này bền vững với thời gian và cho phép tiếp nhận mọi sự thay đổi về nội dung của các phần*”<sup>19</sup>.

Bộ Dân luật Bắc Kỳ trong tương quan so sánh với cấu trúc Bộ luật Dân sự Pháp:

	Bộ luật Dân sự Pháp năm 1804	Bộ Dân luật Bắc Kỳ năm 1931
Kết cấu	Thiên mở đầu + 3 Quyển: 2283 điều	Thiên mở đầu + 4 Quyển: 1455 điều
Thiên mở đầu	“Công bố luật, hiệu lực của luật và áp dụng luật” - Các nguyên tắc cơ bản của luật	Các nguyên tắc cơ bản của luật
Quyển thứ nhất	Về người	Về người
Quyển thứ hai	Về tài sản và những thay đổi về sở hữu	Về tài sản
Quyển thứ ba	Các phương thức xác lập quyền sở hữu	Về nghĩa vụ khế ước
Quyển thứ tư		Về cách viện chứng

<sup>17</sup> Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Luật so sánh*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 150.

<sup>18</sup> Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Luật so sánh*, sđd, tr. 154.

<sup>19</sup> *Một số kinh nghiệm pháp luật của Cộng hòa Pháp liên quan đến cấu trúc Bộ luật Dân sự, tài sản và sở hữu*, <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1424>, truy cập 15/4/2024.

Như vậy, về cơ bản cấu trúc của Bộ Dân luật Bắc Kỳ theo Bộ Dân luật năm 1804 của Pháp, chỉ có khác biệt ở Quyển thứ 3 và thứ 4. Theo các nhà nghiên cứu đó là sự ảnh hưởng từ Bộ luật Dân sự của Thụy Sĩ năm 1912.

- Các bộ luật dân sự được pháp điển với một hệ thống khái niệm, phạm trù luật học chuẩn mực, thống nhất. Cả ba bộ Dân luật giảm yếu Nam Kỳ năm 1883, Dân luật Bắc Kỳ năm 1931, Hoàng Việt Trung Kỳ bộ luật năm 1936 đều tiếp nhận hệ thống khái niệm, phạm trù luật học từ pháp luật phương Tây. Những khái niệm trong luật dân sự như: quốc tịch, hộ tịch, chứng tử, chứng sinh, pháp nhân, quyền sở hữu, quyền chiếm hữu, vật quyền, hợp đồng, trái vụ... đã được đưa vào trong Bộ luật. Đặc biệt ở phần cuối của các bộ luật “Lexique - Danh từ, giải nghĩa” đã giải thích hệ thống các thuật ngữ, khái niệm được sử dụng trong bộ luật giúp việc tiếp nhận những quy định pháp lí của bộ luật thuận lợi hơn. Trong suốt nghìn năm, một trong những hạn chế trong kĩ thuật lập pháp của pháp luật phong kiến Việt Nam là không xây dựng được hệ thống khái niệm pháp lí nói chung cũng như liên quan đến các ngành luật. Với việc tiếp nhận một hệ thống khái niệm, phạm trù luật học từ Bộ luật Dân sự Pháp đã khiến cho các bộ dân luật ở Việt Nam thời thuộc Pháp nói riêng cũng như pháp luật dân sự ở Việt Nam nói chung có bước phát triển quan trọng, đặt cơ sở nền tảng cho việc xây dựng pháp luật dân sự của nước Việt Nam độc lập thời hiện đại.

- Cấu trúc các quy phạm pháp luật khoa học, có sự kết hợp giữa tính tổng quát và tính cụ thể. Trong cách soạn luật thời kì trước Pháp thuộc, phương thức trình bày một

quy phạm pháp luật mặc dù tư duy theo lối diễn dịch, đi từ quy tắc tới các trường hợp cụ thể song các quan lại không ưa sự trừu tượng, chỉ quen dùng các giải pháp định sẵn cho các trường hợp cụ thể xảy ra trong tương lai. Do đó, phổ biến là dạng thức cấu trúc: “Người nào làm điều X thì phải chịu hình phạt Y”. Ví dụ, Điều 316 Quốc triều Hình luật quy định: “*Các quan ty ở trấn ngoài mà lấy đàn bà con gái ở trong hạt mình, thì xử phạt 70 trượng, biếm ba tư và bãi chức*”<sup>20</sup>. Thậm chí có một số điều luật còn quy định rất tỉ mỉ, chi tiết với những ví dụ cụ thể. Chế tài cho các vi phạm chủ yếu là hình phạt. Cách quy định này thiếu tính khái quát, khó bao trùm và dự liệu được các quan hệ phát sinh trong đời sống xã hội, tạo nên tính cứng nhắc trong quá trình áp dụng pháp luật.

Dưới thời thuộc Pháp, trong quá trình pháp điển hoá, phương pháp xây dựng các quy phạm pháp luật hoàn toàn khác biệt. Theo quan niệm truyền thống của Pháp, một bộ luật cùng lúc phải thoả mãn hai đặc tính là khái quát và thực tế; cùng với đó, phải tránh được hai nhược điểm là quá chung chung và ngụy biện. Một bộ luật phải đưa ra những quy tắc có tính khái quát phù hợp để có thể điều chỉnh mọi quan hệ trong xã hội và không được đặt ra những quy tắc cho những trường hợp cụ thể hay cá biệt, bởi lẽ nhà làm luật không thể dự đoán trước mọi quan hệ xã hội có thể phát sinh. Do đó, khi xây dựng các bộ luật dân sự ở Việt Nam thời kỳ này, cấu trúc của các quy phạm pháp luật cơ bản có đủ 3 phần: giả định, quy định, chế tài hoặc cũng có

thể chỉ có hai phần nhưng có thể phân thành ba loại quy phạm pháp luật phổ biến: Quy phạm nguyên tắc thường tập trung ở Thiên đầu của các bộ luật (“Pháp luật chỉ có hiệu lực về sau không có hiệu lực về trước” - Điều 3 Dân luật Bắc Kỳ); Quy phạm giải thích hay quy phạm định nghĩa (“Vị thành niên là con trai, con gái chưa đủ hai mươi mốt tuổi” - Điều 221 Dân luật Bắc Kỳ); Quy phạm điều chỉnh hành vi của đối tượng tác động: đây là quy phạm phổ biến và chiếm số lượng lớn trong các bộ luật dân sự. Cách xây dựng quy phạm pháp luật này vừa khiến cho các bộ luật dân sự có phạm vi bao quát rộng, vừa mang tính cụ thể làm cho các quy định có thể áp dụng trực tiếp mà không cần phải bình luận, giải thích hay hướng dẫn thi hành. Điều này góp phần đảm bảo cho luật dân sự trở thành luật nền tảng và có tính ổn định cao.

- Ngôn ngữ sử dụng giản dị, trong sáng, dễ hiểu, câu văn khúc chiết, tư duy logic.

Do chịu ảnh hưởng từ bộ luật Dân sự Pháp năm 1804 và dưới sự chỉ đạo, thẩm định của chính quyền cũng như các luật gia Pháp, những bộ dân luật được ban hành ở ba kỳ của Việt Nam thời kỳ này cũng có sự thay đổi rất lớn trong cách thức thể hiện. Về cơ bản ngôn ngữ thể hiện các quy phạm pháp luật dân sự cũng thay đổi so với cổ luật. Các bộ luật ở vùng nhượng địa Nam Kỳ được thể hiện dưới hình thức Pháp văn, còn các bộ luật ở khu vực Bắc Kỳ và Trung Kỳ đồng thời được thể hiện bằng ngôn ngữ Pháp văn, Quốc ngữ và Hán văn. Đây cũng là một giải pháp trong kỹ thuật xây dựng pháp luật để phù hợp với tình hình xã hội của người bản xứ, phản ánh giai đoạn giao thời trong lịch sử Việt Nam. Với cách thể hiện này, tạo điều kiện cho tầng lớp

<sup>20</sup> Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2009), *Cổ luật Việt Nam, Quốc triều Hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Nxb. Giáo dục, tr. 72.

trí thức Tây học mới có thể tiếp cận và phù hợp với nền giáo dục của Pháp thực hiện ở Việt Nam khi đó cũng vừa tạo điều kiện cho người Việt ở các tầng lớp khác có thể tiếp cận với văn bản pháp luật mới được ban hành.

#### **4. Ảnh hưởng của hoạt động pháp điển hoá pháp luật dân sự thời kì Pháp thuộc đến pháp luật Việt Nam hiện đại**

Hoạt động pháp điển hoá pháp luật dân sự ở Việt Nam thời kì thuộc Pháp mang nhiều nét đặc sắc cả về hình thức, nội dung, kĩ thuật pháp điển. Bỏ qua những mục đích ban hành và sử dụng pháp luật của người Pháp trong giai đoạn này, có thể thấy pháp luật thời thuộc Pháp đã để lại một kho tàng kiến thức pháp lí rất lớn và có đóng góp, ảnh hưởng không nhỏ đến pháp luật Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo. Trên thực tế, sau năm 1945 hệ thống pháp luật của Pháp vẫn tiếp tục được áp dụng trên toàn lãnh thổ Việt Nam đến năm 1954. Ngày 10/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành sắc lệnh 90/SL cho phép tạm thời sử dụng một số luật lệ hiện hành ở Bắc - Trung - Nam để điều chỉnh các vấn đề về dân sự. Với sắc lệnh trên, các Bộ luật Dân sự ban hành trong thời kì thuộc Pháp được tiếp tục thi hành.

Thừa hưởng di sản của hơn 80 năm của Pháp, tiếp đó là sự ảnh hưởng từ hệ thống pháp luật Xô Viết, trong suốt một thời gian dài và đến cả hiện nay, Việt Nam vẫn luôn chú trọng pháp điển hoá và xem văn bản quy phạm pháp luật là nguồn pháp luật chính. Vấn đề pháp điển hoá pháp luật rất được chú trọng, trong đó xây dựng và ban hành các bộ luật dân sự được đề cao. Sau khi tiến hành cải cách mở cửa, Đảng, Nhà nước ta nhận thức được rằng, xây dựng kinh tế thị trường

không thể thiếu vắng việc pháp điển hoá luật dân sự. Trong Tờ trình của Chính phủ về Dự án Bộ luật Dân sự năm 1995 - Bộ luật Dân sự đầu tiên của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng nêu: “*Trước hết, tiến hành pháp điển hoá một bước quan trọng pháp luật dân sự nước nhà, tạo ra một văn bản pháp luật thống nhất, có hiệu lực pháp lí cao nhằm khắc phục tình trạng tản mạn, trùng lặp, mâu thuẫn, thiếu đồng bộ của pháp luật dân sự hiện nay và tiến tới hoàn thiện lĩnh vực này, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội của nước ta hiện nay cũng như trong nhiều năm tiếp theo*”<sup>21</sup>. Năm 1995, BLDS đầu tiên của Nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/7/1996. Việc ban hành Bộ luật Dân sự năm 1995 đánh dấu bước phát triển lớn trong quá trình lập pháp của Nhà nước ta cũng như hoạt động pháp điển hoá pháp luật dân sự.

Sau một thời gian áp dụng, Bộ luật Dân sự năm 1995 cũng đã bộc lộ những hạn chế, bất cập, đến năm 2005, Quốc hội đã tiến hành sửa đổi, bổ sung Bộ luật Dân sự năm 1995 và ngày 14/6/2005 Quốc hội khoá XI kì họp thứ 7 đã thông Bộ luật Dân sự năm 2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006. So với Bộ luật Dân sự năm 1995, Bộ luật Dân sự năm 2005 có nhiều điểm mới tiên bộ, nhiều quy định cụ thể và tương thích với pháp luật và thông lệ quốc tế hơn. Mặc dù vậy, trước sự phát triển toàn diện của đất nước, Bộ luật

<sup>21</sup> Tờ trình của Chính phủ về dự án Bộ luật Dân sự năm 1995 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Văn kiện quốc hội toàn tập, tập XVIII, Quyển 2 1994 - 1995*, [https://quochoi.vn/tulieuquoc\\_hoi/anpham/Pages/anpham.aspx?AnPhamItemID=1972](https://quochoi.vn/tulieuquoc_hoi/anpham/Pages/anpham.aspx?AnPhamItemID=1972), truy cập 26/01/2025.

Dân sự năm 2005 đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập đặc biệt là chưa thể hiện được đầy đủ vai trò là luật chung của hệ thống luật tư. Do đó, ngày 24/11/2015, tại kì họp thứ 10 Quốc hội khoá XIII đã thông qua Bộ luật Dân sự năm 2015. Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017, cũng là Bộ luật Dân sự hiện hành của nước ta.

Hoạt động pháp điển hoá pháp luật dân sự thời kì Pháp thuộc để lại nhiều giá trị có thể tham khảo cho hoạt động pháp điển hoá pháp luật hiện nay. Trước hết là tư tưởng chỉ đạo trong quá trình pháp điển hoá phải đảm bảo tính dân tộc vừa phù hợp với xu thế phát triển tiến bộ của thời đại. Cho đến hiện nay, trong sự nghiệp xây dựng pháp luật nói chung cũng như pháp điển hoá luật dân sự nói riêng, Đảng và Nhà nước ta vẫn thể hiện rõ tinh thần vừa phù hợp với xu thế của thời đại, vừa bảo tồn giá trị văn hoá bản sắc của dân tộc. Ngay trong Tờ trình của Chính phủ về dự án Bộ luật Dân sự năm 1995 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, việc xây dựng, ban hành Bộ luật Dân sự cần đảm bảo *“tạo tiền đề cho pháp luật dân sự nước ta vừa tính đến, tiếp thu những thành tựu - tinh hoa của pháp luật dân sự ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển, vừa thể hiện đầy đủ các đặc thù của tình hình và giai đoạn phát triển hiện nay của xã hội”*<sup>22</sup>. Thực tiễn hoạt động pháp điển hoá pháp luật dân sự ở nước ta từ Bộ luật Dân sự năm 1995 đến Bộ luật Dân sự năm 2005 và Bộ luật Dân sự năm 2015 đã thể chế hoá những tư tưởng chỉ đạo đó.

Trong quá trình pháp điển hoá luật dân sự hiện nay ở Việt Nam, hoạt động pháp điển hoá pháp luật dân sự thời kì thuộc Pháp vẫn còn lưu dấu ấn khá sâu sắc cả trên phương diện hình thức và nội dung. Về cấu trúc, các bộ luật dân sự của Việt Nam năm 1995, 2005, 2015 chịu nhiều ảnh hưởng từ mô hình pháp điển hoá theo kiểu Đức, có nghĩa là tại những bộ luật này có quy định một phần chung của luật dân sự. Tuy nhiên, mặc dù trong phần chung của các bộ luật này có một chương riêng nói về hành vi pháp lí bao gồm cả hợp đồng và hành vi pháp lí đơn phương song không có tư duy trừu tượng cao để quy định theo kiểu Đức về việc biểu lộ ý chí tạo lập hậu quả pháp lí. Các bộ luật này vẫn quy định tại chương đó các điều kiện có hiệu lực của hành vi pháp lí theo kiểu Pháp... Đặc biệt, khi pháp điển hoá theo mô hình Đức song Bộ luật Dân sự năm 1995 và Bộ luật Dân sự năm 2005 vẫn không có quy định về vật trong phần chung của bộ luật mà cấu tạo thành một phần riêng để nói về tài sản theo mô hình Pháp... Bộ luật Dân sự năm 2015 có thiết kế trong phần chung một số quy định chung nhất về tài sản theo quan niệm của Pháp, trong khi lẽ ra chỉ quy định về vật. Mặc dù phần hai của bộ luật này đã thiết kế theo mô hình Đức là trình bày các vật quyền, song pháp luật Pháp và pháp luật Xô Viết vẫn còn những ảnh hưởng nhất định<sup>23</sup>... Ngoài ra, cách thức xây dựng các quy phạm trong luật dân sự, hệ thống khái niệm, phạm trù luật học hiện nay vẫn là sự kế thừa, tiếp nối từ trong luật dân sự thời kì

<sup>22</sup> Tờ trình của Chính phủ về dự án Bộ luật Dân sự năm 1995 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, t.lđd.

<sup>23</sup> Ngô Huy Cương (2016), “Sự ảnh hưởng của pháp luật Pháp tới luật tư ở Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 12, tr. 3 - 13.

thuộc Pháp. Pháp là nước điển hình trong hệ thống Pháp luật Civil Law, chịu ảnh hưởng từ Luật La Mã. Một trong những yếu tố thể hiện vai trò và trình độ lập pháp cao cũng như giá trị trường tồn cùng thời đại của hệ thống pháp luật này là đã hình thành một hệ thống khái niệm, phạm trù luật học và các nguyên tắc pháp lí chuẩn mực trong lĩnh vực dân sự. Đó là thành quả chung của văn minh nhân loại. Hoạt động pháp điển hoá pháp luật của Pháp ở Việt Nam thời kì cận đại đã du nhập vào nước ta hệ thống khái niệm, phạm trù luật học và nguyên tắc pháp lí kinh điển, làm thay đổi căn bản lịch sử lập pháp ở Việt Nam. Cho đến ngày nay, hệ thống khái niệm, phạm trù luật học đa dạng, phong phú, khoa học, chuẩn mực đó vẫn trở thành “rui cột” không thể thiếu để đảm bảo sự vững chắc của ngành luật dân sự nước ta. Đặc biệt, nguyên tắc tôn trọng tự do thoả thuận ý chí của các bên tham gia quan hệ pháp luật dân sự; nguyên tắc bình đẳng của các chủ thể trong việc thể hiện ý chí và thực hiện quyền nghĩa vụ... vẫn là tư tưởng chỉ đạo trong quá trình pháp điển hoá pháp luật dân sự hiện nay. Về nội dung, cả ba bộ luật dân sự các năm 1995, 2005, 2015 “*đều bị ảnh hưởng của pháp luật Pháp liên quan tới cầm cố, thế chấp, nghĩa vụ và hợp đồng, thừa kế... ở những mức độ khác nhau qua con đường học tập kinh nghiệm lịch sử là chủ yếu*”<sup>24</sup>. Đặc biệt Bộ luật Dân sự năm 2015 đã làm “tái hồi” nhiều nội dung vốn có từ tinh thần của các bộ luật dân sự thời kì thuộc Pháp, đồng thời còn khẳng định vai trò nền tảng của luật dân sự trong hệ thống pháp luật nước ta.

<sup>24</sup> Ngô Huy Cương (2016), tldd.

## 5. Kết luận

Hoạt động pháp điển hoá pháp luật nói chung và pháp luật dân sự nói riêng ở Việt Nam thời kì này, người Pháp đã tạo ra những bộ luật dân sự, những chế định pháp lí mới theo hướng canh tân và hội nhập, thúc đẩy xoá bỏ những tục lệ, quy phạm lạc hậu, thay đổi tư duy pháp lí. Có thể nói, pháp điển hoá đã tạo nên một nguồn luật thành văn mới trong đó có sự kết hợp chặt chẽ giữa tinh thần pháp luật phương Đông với kĩ thuật lập pháp hiện đại phương Tây, phản ánh mục đích một mặt tôn trọng các thể chế truyền thống, mặt khác làm cho chúng thích hợp hơn với các chuyển biến của thời cuộc<sup>25</sup>. Sự ra đời các bộ luật dân sự thời kì Pháp thuộc đã tạo nên sự thay đổi lớn trong lịch sử pháp luật nước ta, bởi nó có tính chuyên môn sâu sắc, chỉ thuần túy điều chỉnh về dân sự. Cấu trúc bộ luật cũng đổi mới - theo hướng phân định rõ các chế định thành từng chương riêng biệt, các điều khoản được trình bày rõ ràng, vừa khái quát vừa cụ thể, không có sự trùng lặp như trong các bộ luật thời phong kiến, nên rất dễ áp dụng.

Đây là sự chuyển mình quan trọng trong lịch sử lập pháp Việt Nam, đặt cơ sở nền móng cho nền luật học nước ta giai đoạn cận và hiện đại. Hiện nay, hệ thống pháp luật ở Việt Nam chịu ảnh hưởng bởi pháp luật của nhiều nước theo xu hướng hội nhập, học tập kinh nghiệm quốc tế nhưng những gì mà hoạt động pháp điển hoá pháp luật của Pháp để lại sau gần một thế kỉ là không thể phủ nhận, đặc biệt trên lĩnh vực dân sự./.

*(Xem tiếp trang trang 32)*

<sup>25</sup> Đại học Quốc gia Hà Nội (2017), *Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam*, sđd, tr. 359 - 360.